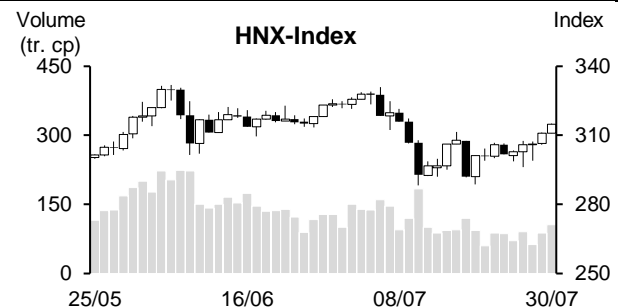
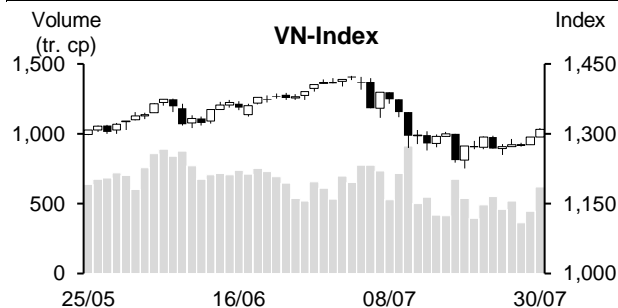


30/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,310.05	1.27%	1,447.23	1.38%	314.85	1.25%
Tổng KLGD (tr. cp)	642.73	31.92%	234.02	34.50%	109.72	21.74%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	618.75	38.88%	224.34	34.75%	106.40	21.39%
TB 20 phiên (tr. cp)	568.80	8.78%	222.91	0.64%	104.26	2.05%
Tổng GTGD (tỷ VND)	21,586.11	35.92%	11,451.07	35.32%	2,823.55	26.19%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	20,152.91	39.17%	10,455.17	32.66%	2,721.94	25.08%
TB 20 phiên (tỷ VND)	18,341.02	9.88%	10,696.37	-2.25%	2,398.68	13.48%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	259	62%	27	90%	116	31%
Số mã giảm	113	27%	2	7%	79	21%
Số mã đứng giá	46	11%	1	3%	174	47%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường nổi dài mạch tăng điểm trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 7 với diễn biến đà tăng mạnh dần vào cuối phiên. Các nhà đầu tư dường như đã trút bỏ gánh nặng về diễn biến của tình hình dịch bệnh và bắt đầu có động thái giải ngân tích cực hơn. Ngoài ra, hôm nay cũng là ngày giao dịch cơ cấu danh mục định kỳ của các quỹ ETF nội, qua đó đẩy thanh khoản thị trường tăng cao đột biến. Sắc xanh hiện diện ở gần như toàn bộ các nhóm ngành, trong đó tâm điểm thuộc về nhóm ngân hàng với những cái tên nổi bật như ACB, VPB, LPB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang tái gia nhập thị trường. Không những vậy, xu hướng ngắn hạn của chỉ số đang có sự thay đổi theo hướng tích cực, khi chỉ số thoát khỏi áp lực của MA20, cùng với MACD có tín hiệu cắt lên Signal cho tín hiệu mua trở lại. Chỉ số có thể tiếp tục duy trì đà tăng điểm và hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự quanh 1,337 điểm (MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm vượt qua MA50 và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi đang quay trở lại, chỉ số có cơ hội hướng lên thử thách lại vùng 330 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, phiên tăng điểm 30/7 cho thấy thị trường đang có sự chuyển biến tích cực về mặt xu hướng ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các vị thế hiện tại và cân nhắc tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Cổ phiếu khuyến nghị: HPG (Mua)

Cổ phiếu quan sát: HDG, LTG, CNG, SFI

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	02/08/21	47.3	47.3	0.0%	53	12.1%	44.5	-5.9%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HGD	Quan sát mua	02/08/21	53.3	60	Nền rút đầu không vượt được đỉnh cũ + MACD Histogram vẫn đang giảm dần -> khả năng còn điều chỉnh trở lại, có thể canh mua khi giá giảm về vùng 49-50
2	LTG	Quan sát mua	02/08/21	38.1	42-43	Nền rút chân khi về vùng hỗ trợ quanh 37 + MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm tăng trở lại
3	CNG	Quan sát mua	02/08/21	24.85	26.5-27	Tín hiệu bật tăng tốt trở lại từ vùng hỗ trợ quanh 24.5 với vol tăng về lại trung bình + MACD khả năng cắt lên Signal -> khả năng sớm quay lại nhịp tăng
4	SFI	Quan sát mua	02/08/21	39.95	46	Gần đây bật tăng trở lại tốt sau nhịp tích lũy cận vol + xuất hiện nền điều chỉnh nhẹ ko quá tiêu cực -> khả năng sớm tăng trở lại vượt đỉnh

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGC	Mua	12/07/21	30.45	29.5	3.2%	35	18.6%	27.9	-5%	
2	SJS	Mua	16/07/21	62.8	61.8	1.6%	70	13.3%	59	-5%	
3	HAX	Mua	23/07/21	19.8	19.35	2.3%	21.9	13%	18.4	-5%	
4	NTC	Mua	28/07/21	195.233	191.2	2.1%	225	18%	185	-3%	
5	STB	Mua	30/07/21	29.9	29.3	2.0%	32.6	11%	28.3	-3%	

TIN TỨC TRONG NGÀY**Tin trong nước****Nikkei Asia: Xuất khẩu chip của Việt Nam và một số nước ASEAN mạnh hơn cả thời điểm trước đại dịch Covid-19**

Theo Nikkei Asia, xuất khẩu trong tháng 6/2021 của Việt Nam và một số nền kinh tế khác trong khu vực ASEAN đã cao hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm 2019. Một trong những động lực lớn nhất thúc đẩy sự gia tăng của kim ngạch xuất khẩu ở khu vực Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng là do nhu cầu về các sản phẩm bán dẫn tăng cao trong bối cảnh khủng hoảng thiếu chip trên toàn cầu.

Xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, phần lớn là sản phẩm điện thoại thông minh do Samsung Electronics của Hàn Quốc sản xuất, chiếm khoảng 20% tổng sản lượng. Tính riêng 6 tháng đầu năm, giá trị các mặt hàng xuất khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính đến ngày 15/7, xuất khẩu linh kiện ô tô, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài đạt hơn 5,9 tỷ USD, trong đó linh kiện ô tô chiếm 3,7 tỷ USD. Điều đáng nói, Việt Nam là đối tác xuất khẩu linh kiện với nhiều cường quốc sản xuất ô tô hàng đầu thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan và Đức.

Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam xuất sang Nhật hơn 1,3 tỷ USD hàng linh kiện ô tô, sang Mỹ là gần 1,1 tỷ USD, sang Trung Quốc và Thái Lan hơn 230 triệu USD..

7 tháng, Bộ Giao thông vận tải giải ngân trên 19.000 tỷ đồng, đạt 45% kế hoạch

Trong tháng 7, Bộ giao thông đã hoàn thành phê duyệt 5 dự án với giá trị hơn 2.500 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch giao. Lũy kế 7 tháng đầu năm, Bộ Giao thông vận tải đã duyệt 21/26 dự án với giá trị hơn 8.679 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch.

Theo Bộ trưởng Giao thông vận tải Nguyễn Văn Thể, năm 2020, công tác giải ngân của Bộ đạt kết quả tốt, tuy nhiên công tác giải ngân của năm 2021 đến nay chưa đạt kết quả như mong muốn.

Vì vậy, Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể yêu cầu các Ban Quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thi công 14 dự án giao thông cấp bách, gồm 10 dự án đường bộ, 4 dự án đường sắt, cố gắng hoàn thành dự án trong năm 2021 để không bỏ lỡ kế

Nguồn: Cafef, NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vingroup lãi trước thuế 3.618 tỷ đồng quý II

Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II với tổng doanh thu thuần đạt 38.451 tỷ đồng, tăng 65% cùng kỳ năm trước. Hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều tăng, đặc biệt là bất động sản và công nghiệp với mức tăng tương ứng 62% và 53%. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.618 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ.

Tại ngày 30/6, tổng tài sản Vingroup đạt 417.881 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 144.442 tỷ đồng.

Masan Group lãi quý II gấp 4 lần cùng kỳ nhờ VinCommerce, MHT cải thiện lợi nhuận

Theo BCTC hợp nhất quý II, Tập đoàn Masan (HoSE: MSN) ghi nhận doanh thu tăng 19% lên 21.219 tỷ đồng; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 791 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần cùng kỳ năm trước. Biên lợi nhuận gộp trong quý cải thiện từ 21,9% lên 22,8% giúp lợi nhuận gộp tăng 24,5% lên 4.847 tỷ đồng.

Lũy kế nửa đầu năm, tập đoàn ghi nhận doanh thu 41.196 tỷ đồng, tăng 16%; lãi ròng 979 tỷ đồng, gấp 8,4 lần cùng kỳ năm trước. Dù vậy, so với kế hoạch năm, Tập đoàn mới thực hiện 44,8% mục tiêu doanh thu ở mức thấp (92.000 tỷ đồng) và 39,1% mục tiêu lợi nhuận ròng ở mức thấp (2.500 tỷ đồng).

Doanh nghiệp lý giải doanh thu tăng nhờ tăng trưởng ở mảng kinh doanh thịt (Masan MEATLife) và hàng tiêu dùng (MCH), mảng bán lẻ tăng 1,7% trong quý II nhưng giảm 9% nửa đầu năm, doanh thu tại Masan High-Tech Materials (MHT, UPCoM: MSR) tăng 137% nhờ hợp nhất HCS (mảng kinh doanh vonfram từ H.C.Starck) và giá hàng hóa cao hơn.

Nửa đầu năm, VinCommerce có EBITDA dương 298 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 1.014 tỷ đồng.

Nhà Khang Điền (KDH): Quý 2 lãi 265 tỷ đồng, chỉ tăng 5% so với cùng kỳ 2020

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (Mã CK: KDH - sàn HOSE) đã công bố báo cáo tài chính quý 2/2021 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2021.

Theo đó, trong quý 2/2021, Khang Điền ghi nhận doanh thu đạt 1.112 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 265 tỷ đồng, lần lượt tăng 43% và 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 53% về chỉ còn 38%. Lợi nhuận gộp chỉ tăng 2% so với cùng kỳ đạt 426 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng 24% so với cùng kỳ lên 23,5 tỷ đồng; chi phí bán hàng giảm hơn một nửa về 15 tỷ đồng và các hoạt động khác lỗ 10,3 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, KDH đạt 1.948 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 31% so với cùng kỳ, LNST đạt 472 tỷ đồng tăng 15,7% so với nửa đầu năm ngoái. LNST công ty mẹ là 470 tỷ đồng tương đương EPS đạt 760 đồng.

Được biết, trong năm 2021, doanh nghiệp đặt kế hoạch doanh thu là 4.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1.200 tỷ đồng, lần lượt tăng 5,9% và 4,2% so với thực hiện trong năm 2020. Như vậy, sau 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp đã hoàn thành được 40,6% mục tiêu về doanh thu và 39% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Nguồn: Cafef, NDH

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VPB	61,000	5.72%	0.17%
MSN	134,000	4.93%	0.15%
VIC	107,200	2.00%	0.15%
ACB	36,150	5.86%	0.11%
HVN	21,500	6.97%	0.06%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	27,800	2.58%	0.33%
NVB	22,500	7.66%	0.16%
BAB	23,200	2.20%	0.09%
DXS	26,700	3.49%	0.08%
MBS	29,100	3.93%	0.07%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VNM	86,100	-0.81%	-0.03%
VJC	113,000	-1.22%	-0.02%
SSB	36,600	-1.08%	-0.01%
OCB	30,000	-1.32%	-0.01%
PSH	19,950	-6.78%	0.00%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PAN	25,800	-2.27%	-0.03%
IDC	34,400	-1.15%	-0.03%
VCS	118,700	-0.59%	-0.03%
NTP	49,900	-1.77%	-0.03%
PVS	24,800	-0.80%	-0.02%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
ACB	36,150	5.86%	35,156,000
STB	29,900	2.05%	32,248,600
HPG	47,300	0.42%	23,016,300
CTG	34,400	1.47%	20,779,300
MBB	28,900	1.76%	18,968,900

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHB	27,800	2.58%	17,474,815
VND	46,100	0.44%	13,201,108
PVS	24,800	-0.80%	7,733,837
NVB	22,500	7.66%	6,333,695
SHS	42,200	1.93%	6,006,714

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
ACB	36,150	5.86%	1,246.5
HPG	47,300	0.42%	1,090.5
STB	29,900	2.05%	960.8
VPB	61,000	5.72%	936.2
TCB	51,100	0.99%	865.9

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VND	46,100	0.44%	606.9
SHB	27,800	2.58%	480.1
SHS	42,200	1.93%	251.7
PVS	24,800	-0.80%	192.9
NVB	22,500	7.66%	139.6

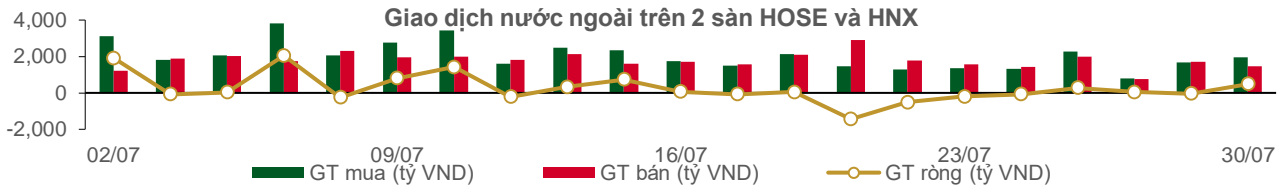
Thống kê giao dịch thỏa thuận**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VHM	3,328,800	350.88
FPT	3,071,800	303.89
ACB	5,433,700	196.30
MWG	950,000	165.40
EIB	3,555,300	92.44

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
PAN	1,740,000	50.11
IDC	1,130,000	42.83
VC3	163,574	3.04
DNP	100,000	2.00
SHB	62,580	1.68

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	37.60	1,898.10	28.13	1,446.22	9.48	451.88
HNX	1.22	43.20	0.48	14.03	0.74	29.18
Tổng 2 sàn	38.83	1,941.30	28.61	1,460.25	10.22	481.06

**TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
FPT	94,000	3,074,300	304.13
SSI	54,600	3,399,800	185.16
MWG	164,100	950,000	165.40
VHM	108,300	1,361,600	146.03
STB	29,900	4,332,000	129.46

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VND	46,100	552,400	25.42
DXS	26,700	204,100	5.42
NSC	79,300	50,900	3.95
SHB	27,800	54,500	1.48
BVS	28,400	46,700	1.33

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
FPT	94,000	3,079,400	304.61
MWG	164,100	950,000	165.40
VHM	108,300	1,476,100	159.00
VRE	27,650	2,585,000	71.12
VNM	86,100	744,200	64.28

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VND	46,100	143,200	6.57
VCS	118,700	16,500	1.95
APS	11,400	99,300	1.07
BVS	28,400	34,000	0.97
EVS	31,900	16,400	0.52

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	54,600	3,254,700	177.32
STB	29,900	4,221,200	126.18
MSN	134,000	768,400	102.13
CTG	34,400	2,582,600	89.04
MBB	28,900	2,140,200	61.88

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	46,100	409,200	18.85
DXS	26,700	204,100	5.42
NSC	79,300	47,000	3.64
SHB	27,800	53,000	1.44
PVI	39,400	24,000	0.94

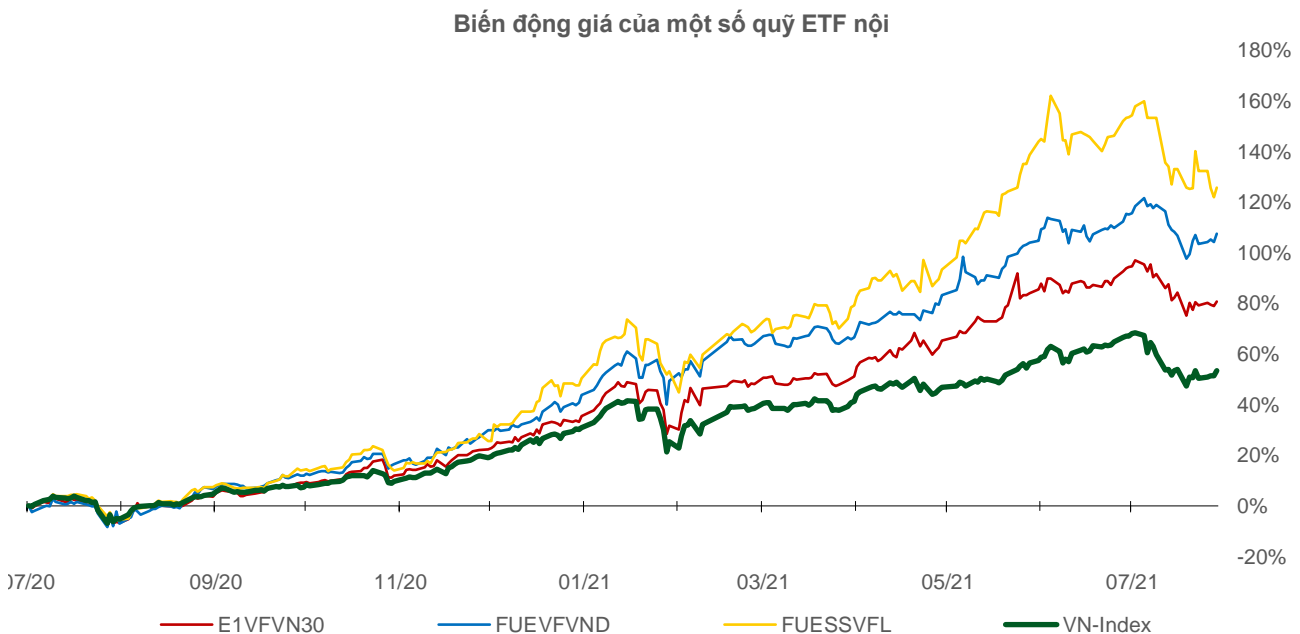
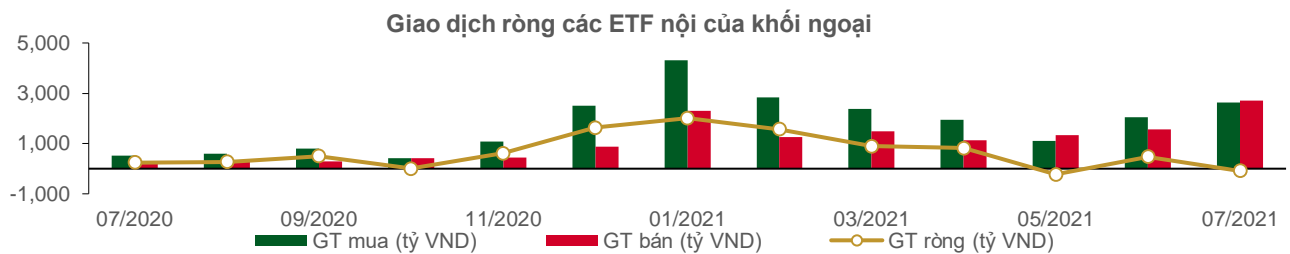
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SAB	159,000	(281,700)	(44.81)
VNM	86,100	(484,000)	(41.83)
E1VFN30	24,600	(1,727,300)	(41.74)
VRE	27,650	(1,223,500)	(33.68)
DCM	20,200	(1,183,600)	(23.50)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VCS	118,700	(12,800)	(1.51)
APS	11,400	(92,300)	(1.00)
EVS	31,900	(16,400)	(0.52)
NBP	14,100	(30,200)	(0.42)
LAS	14,600	(24,900)	(0.36)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	24,600	2.3%	2,324,200	56.17	E1VFN30	7.32	49.06	(41.74)
FUEMAV30	17,000	1.2%	30,500	0.52	FUEMAV30	0.11	0.41	(0.31)
FUESSV30	18,200	2.6%	54,800	0.98	FUESSV30	0.59	0.94	(0.34)
FUESSV50	21,000	1.9%	55,600	1.16	FUESSV50	0.00	0.00	0.00
FUESSVFL	21,100	2.9%	70,400	1.48	FUESSVFL	0.69	1.17	(0.49)
FUEVFN30	25,500	2.8%	3,049,600	76.56	FUEVFN30	28.44	44.44	(16.00)
FUEVN100	18,110	2.0%	49,000	0.88	FUEVN100	0.55	0.86	(0.31)
Tổng cộng			5,634,100	137.73	Tổng cộng	37.69	96.88	(59.19)



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CHDB2101	2,050	1.0%	2,250	54	33,700	782	(1,268)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	7,000	0.0%	3,170	54	47,300	4,463	(2,537)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	11,190	1.2%	17,150	10	47,300	10,959	(231)	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	8,510	-2.1%	6,870	28	47,300	6,968	(1,542)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,790	-11.8%	41,280	13	47,300	996	(794)	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,790	-11.8%	88,310	13	47,300	980	(810)	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	4,400	10.3%	52,870	17	40,700	4,410	10	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	2,800	4.5%	15,610	54	40,700	2,333	(467)	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	6,400	3.2%	24,640	14	40,700	6,919	519	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	1,020	-8.1%	16,930	13	28,900	458	(562)	25,530	7.4	12/08/2021
CMSN2101	2,550	8.5%	13,440	54	134,000	1,776	(774)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,980	7.0%	15,260	54	134,000	1,222	(758)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	7,750	14.8%	28,390	14	134,000	7,936	186	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2104	6,200	0.2%	9,920	(130)	164,100	(25)	(6,225)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	5,120	19.1%	22,590	28	164,100	4,103	(1,017)	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	4,950	-2.8%	9,460	54	104,000	4,047	(903)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	2,600	-3.0%	11,000	59	104,000	823	(1,777)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	2,720	3.8%	79,020	28	92,500	769	(1,951)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	3,760	5.0%	21,710	59	92,500	918	(2,842)	89,000	5.0	27/09/2021
CSBT2101	1,570	-1.9%	3,400	54	18,550	0	(1,570)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	5,850	5.2%	11,870	54	29,900	3,986	(1,864)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	5,920	5.3%	53,150	10	29,900	5,955	35	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	8,000	0.0%	7,020	28	29,900	7,039	(961)	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2101	23,500	3.5%	2,930	67	51,100	20,225	(3,275)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	7,700	2.8%	48,320	10	51,100	7,811	111	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	6,410	0.2%	2,650	28	51,100	2,689	(3,721)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	190	-9.5%	16,690	17	19,150	(0)	(190)	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	800	9.6%	1,410	54	19,150	0	(800)	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	130	-27.8%	11,170	14	19,150	(0)	(130)	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	110	10.0%	58,160	13	19,150	(0)	(110)	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	2,180	0.9%	1,920	54	108,300	189	(1,991)	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,180	-6.4%	29,990	10	108,300	1,036	(144)	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,050	-11.0%	25,170	14	108,300	362	(688)	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	850	-14.1%	17,160	13	108,300	(0)	(850)	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,210	-13.6%	7,720	54	107,200	0	(1,210)	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,020	0.0%	10,720	59	107,200	(0)	(1,020)	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	540	-1.8%	4,730	54	86,100	(0)	(540)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	720	-19.1%	23,710	45	86,100	0	(720)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	780	-2.5%	32,140	59	86,100	0	(780)	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2103	11,900	14.2%	39,860	10	61,000	12,261	361	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	6,190	11.9%	9,820	28	61,000	4,028	(2,162)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2101	1,270	-4.5%	7,680	54	27,650	0	(1,270)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	110	-26.7%	48,690	10	27,650	(0)	(110)	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	150	15.4%	16,190	14	27,650	(0)	(150)	34,300	2.0	13/08/2021

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
STK	(New) HOSE	42,200	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ	(New) HOSE	95,800	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM	(New) HOSE	75,900	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM	(New) HOSE	86,100	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC	(New) HOSE	40,950	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC	HOSE	62,400	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC	HOSE	41,100	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT	HOSE	37,450	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW	HOSE	148,800	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI	HNX	39,400	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
VIB	HOSE	41,600	46,400	15/07/2021	5,546	3,571	18,001	2%	24%	13.0	2.6
BMI	HOSE	40,200	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG	HOSE	21,550	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC	HOSE	83,000	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD	HOSE	46,100	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR	HOSE	33,700	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
HPG	HOSE	47,300	64,800	02/07/2021	28,065	1,042	18,845	33%	18%	10.4	3.4
TPB	HOSE	35,000	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH	HOSE	40,700	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA	HOSE	16,150	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
NLG	HOSE	43,700	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6
VRE	HOSE	27,650	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM	HOSE	108,300	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR	HOSE	49,800	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC	HOSE	34,450	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE	HOSE	55,000	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
ANV	HOSE	27,500	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4
FMC	HOSE	36,300	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9
MPC	UPCOM	36,088	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP	HOSE	72,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG	HOSE	93,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG	HOSE	164,100	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB	HOSE	159,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN	HOSE	134,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
NVL	HOSE	104,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG	UPCOM	42,353	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB	HOSE	98,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB	HOSE	36,150	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB	HOSE	51,100	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG	HOSE	15,850	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP	HOSE	56,200	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD	HOSE	63,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT	HOSE	94,000	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS	HNX	15,200	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC	HOSE	44,350	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV	UPCOM	74,729	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX	HOSE	51,300	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT	HOSE	18,550	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS	UPCOM	43,299	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS	HOSE	89,600	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH	HOSE	65,300	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
ING	HOSE	21,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
GIL	HOSE	65,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	19,057	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	16,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	50,800	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	80,341	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	10,700	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,
157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận
3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,
364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân
Bình, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912